

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 – 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Ông Nguyễn Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 429/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Ngọc H** - sinh năm 1991; CCCD 075091003413 cấp ngày 05/8/2022.

Địa chỉ: Số B, ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc V** - sinh năm: 1991; CCCD số 075191021293 cấp ngày 08/9/2022.

Địa chỉ: Số F, quốc lộ A, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H, chị V đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Ngọc H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị Ngọc V quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tự nguyện kết hôn, anh H và chị V được UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/6/2017. Đến khoảng tháng 05/2018 thì cả hai tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H thuê trọ sinh sống tại địa chỉ ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát do tính chất công việc nên ban ngày anh H thường xuyên phải đi làm, còn chị V không đi làm, thường xuyên bỏ về nhà mẹ đẻ hoặc đi chơi cùng bạn bè, không quan tâm chăm lo gia đình. Anh H đã nhiều lần khuyên chị V thay đổi nhưng chị vẫn chứng nào tật nấy. Từ đó khiến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Đến khoảng ngày 13/12/2022, sau khi cãi nhau thì chị V dẫn theo cháu Trần Đăng K (là con chung của anh H và chị V) dọn về nhà mẹ đẻ tại địa chỉ số F, quốc lộ A, ấp H, xã H, huyện T sinh sống từ đó đến nay. Sau đó, anh H cũng dẫn theo cháu Trần Bảo K1 (là con chung của anh H và chị V) dọn về nhà bố mẹ đẻ tại địa chỉ số B, ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Cũng kể từ đó, vợ chồng không còn liên hệ qua lại, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phía gia đình bố mẹ hai bên đều nắm được và khuyên cả hai cho nhau cơ hội hàn gắn, tuy nhiên mâu thuẫn vẫn cứ tiếp diễn và đến nay không thể hàn gắn được.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu được ly hôn với chị V.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Trần Bảo K1, sinh ngày 20/8/2017 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2018.

Khi ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo K1 và đồng ý giao cháu Trần Đăng K cho chị V nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu K1 đang sống cùng với anh H và cháu K đang sống cùng với chị V.

Hiện tại công việc của anh H là thợ hồ, thu nhập trung bình một tháng khoảng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến trình bày của bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V*: Chị V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận ý kiến trình bày.

* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai*:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, tuy nhiên ngày 26/8/2024 nguyên đơn anh H có “Đơn xin xét xử vắng mặt”, bị đơn đã được

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc V; Về con chung: Giao cháu Trần Bảo K1, sinh ngày 20/8/2017 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2018 cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc anh Trần Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc V hiện đang cư trú tại số F, quốc lộ A, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị Ngọc V tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/6/2017. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của anh H, chị V là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng anh H, chị V đã để xảy ra mâu thuẫn khoảng năm 2021. Vợ chồng thiếu sự quan tâm, thấu hiểu nhau và thiếu trách nhiệm trong

việc xây dựng cuộc sống hôn nhân nên dễ xảy ra mâu thuẫn. Khoảng từ cuối năm 2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình chị V và địa phương nơi cư trú. Cho thấy chị V vẫn sinh sống thường xuyên sinh sống tại địa phương. Bà Dương Thị T là mẹ ruột của chị V sống cùng nhà đã nhận và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị V. Tuy nhiên, chị V không có ý kiến bằng văn bản về yêu cầu khởi kiện của anh H gửi cho Tòa án, cũng không đến Tòa án để tham gia các buổi làm việc. Qua trình bày của anh H và kết quả xác minh của người thân của anh chị cho thấy vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn thời gian dài phải sống ly thân cho đến nay, quá trình xác minh cho thấy anh H và chị V không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Tòa án cũng không có điều kiện để hòa giải mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị, anh H và chị V đều có thái độ bỏ mặc, không còn sự quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh H và chị V đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có biện pháp khắc phục để đoàn tụ chung sống, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh H và chị V chung sống có 02 con chung là cháu Trần Bảo K1, sinh ngày 20/8/2017 và cháu Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2018, hiện cháu K1 đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời anh H cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con nếu tòa án giải quyết ly hôn, cháu K hiện do chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng anh H và chị V xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân cháu K1 do anh H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu K do chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay. Khi ly hôn cháu K1 có nguyện vọng được sống cùng với cha, anh H có công việc và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cũng như phù hợp với nguyện vọng của con trên 7 tuổi cần tiếp tục giao cháu Trần Bảo K1, sinh ngày 20/8/2017 cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu K từ khi cha mẹ ly thân cháu 04 tuổi đến nay đều sống cùng mẹ và ông bà ngoại nên để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2018 cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Những nhận định trên là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc V.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Trần Bảo K1, sinh ngày 20/8/2017 cho anh Trần Ngọc H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 21/8/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ngọc V, anh Trần Ngọc H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh Trần Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007970 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Anh Trần Ngọc H và chị Nguyễn Thị Ngọc V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Hưng Lộc, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH 41 ngày 26/6/2017);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan

